

Bản án số: 30/2022/HS - ST
Ngày 30/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S - TỈNH L

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tuấn; 2. Ông Sùng A Cờ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S tham gia phiên tòa: Ông Lã Chúc Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2022. Đối với các bị cáo:

1. Vũ N T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01/6/1988 tại huyện Y, tỉnh Y; Nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Y; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Thanh T - sinh năm 1965; Con bà: Đặng Thị T - sinh năm 1970, hiện cùng trú tại tổ 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Y; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ bị cáo là: Lương Thị N, sinh năm 1988. Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2019, hiện cùng trú tại tổ 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Y. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Vũ N T bị bắt tạm giữ từ ngày 27/4/2022 đến ngày 06/5/2022. Hiện bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/5/2022 tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Y. Có mặt.

2. Họ tên: Thùng Trung K; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 19/11/2003 tại thành phố Đ, tỉnh Đ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ; Nơi ở: Tổ 4, phường H, thị xã S, tỉnh L; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Tự do; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố là: Thùng Văn C - sinh năm 1978; Mẹ là: Bùi Thị X - sinh năm 1981, hiện cùng trú tại tổ 3, phường N, thành phố Đ, tỉnh Đ; Bị cáo là con duy nhất; Bị cáo chưa có vợ, chưa có con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Thùng Trung K bị bắt, tạm giữ từ ngày 27/4/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã S. Có mặt.

Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị Hồng Nhung – Sinh năm 2002; Nơi cư trú: Khu 2, xã X Áng, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt;

Người chứng kiến: Ông Vũ Hoàng S – Sinh năm 1974; Nơi cư trú: Tổ 4, phường H, thị xã S, tỉnh L. Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 25 phút ngày 27/4/2022, Công an thị xã S tiến hành kiểm tra hành chính tại khách sạn JNK thuộc Tổ 4, phường H, thị xã S. Kiểm tra tại phòng số 02 của khách sạn, bên trong có Vũ N T và Nguyễn Thị Hồng Nhung đang ngủ trên giường. Quá trình kiểm tra phát hiện: 01 ví nam màu nâu của T bên trong chứa 03 viên nén màu hồng được đựng trong 01 túi Zip màu trắng viền chỉ màu xanh, T khai là ma túy tổng hợp “Keo”; 01 túi Zip màu trắng viền chỉ màu xanh bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng, T khai là ma túy “Ketamine” mua của Thùng Trung K là nhân viên lễ tân của khách sạn JNK; Tổ công tác đã mời ông Vũ Hoàng S là người chứng kiến và tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Vũ N T, thu giữ vật chứng theo quy định.

Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã S đã tiến hành giữ người trong T hợp khẩn cấp và bắt người bị giữ trong T hợp khắp đối với Thùng Trung K về hành vi mua bán trái phép chất ma túy để điều tra.

Ngày 27/4/2022, Cơ quan điều tra ra quyết định trưng cầu giám định về số ma túy đã thu giữ của Vũ N T. Tại Bản kết luận giám định số 109, ngày 29/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L kết luận: Mẫu M1: 1,18 gam 03 viên nén màu hồng có đặc điểm giống nhau gửi giám định là loại chất ma túy MDMA; Mẫu M2: 0,8 gam các hạt tinh thể rắn màu trắng gửi giám định là loại chất ma túy Ketamine.

Về nguồn gốc số, động cơ, mục đích tàng trữ số ma túy bị thu giữ Vũ N T, Thùng Trung K khai nhận: Tối ngày 25/4/2022, khi đi dự sinh nhật của một người tên Lâm tại quán Karaoke King thuộc thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Y. T nhìn thấy trên bàn của phòng hát có 01 túi Zip màu trắng viền chỉ màu xanh bên trong có 3 viên nén màu hồng nên T đã cất số ma túy trên vào ví với mục đích đem lên S để sử dụng. Ngày 26/4/2022 T cùng với Nhung là bạn gái của T lên S chơi và thuê phòng 02 khách sạn JNK ở Tổ 4, phường H, thị xã S để ở. Khoảng 22 giờ ngày 26/4/2022, T gặp K là nhân viên lễ tân khách sạn. T nói “*Lấy hộ anh một chỉ ke*”, K đồng ý. Sau đó K đã dùng điện thoại của mình số thuê bao 0879.389.983 gọi cho người đàn ông tên K để hỏi mua 01 chỉ ma túy Ketamine. K đồng ý và nói giá là 2.500.000 đồng. Thùng Trung K đồng ý và yêu cầu K đem ma túy đến khách sạn JNK. Sau đó, K báo giá lại với T 01 chỉ Ketamine có giá 2.600.000 đồng, mục đích để kiếm lời số tiền 100.000 đồng. T đồng ý và sử dụng tài khoản ngân hàng Techcombank của mình chuyển vào tài khoản ngân

hàng MB của Thùng Trung K số tiền 2.600.000 đồng. Khoảng 10 phút sau, có một người nam giới đi xe mô tô đến khách sạn JNK và đưa ma túy cho K. K dùng tài khoản ngân hàng MB của mình chuyển đến số tài khoản 123459156789 số tiền 2.500.000 đồng và nhận số ma túy Ketamine có đặc điểm là 01 túi Zip màu trắng viền chỉ màu xanh bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng. Sau đó, K đi vào quầy lễ tân và đưa ma túy cho T, T cầm ma túy và đi về phòng nghỉ. Khoảng 5 phút sau, T quay lại nhờ K mượn hộ đĩa sứ và bật lửa để sử dụng ma túy. Đến 00 giờ 25 phút ngày 27/4/2022, Công an thị xã S tiến hành kiểm tra, bắt giữ đối với T, thu giữ toàn bộ số ma túy và các đồ vật có liên quan.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKS ngày 10/8/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã S truy tố bị cáo Vũ N T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Thùng Trung K về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vũ N T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và bị cáo Thùng Trung K phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ N T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Khấu trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Thùng Trung K từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo 27/4/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã S đã truy tố đối với các bị cáo, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Vũ N T và Thùng Trung K đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của các bị cáo được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ khác như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản khám xét nơi ở của Vũ N T và Thùng Trung K; Biên bản niêm phong đồ vật tạm giữ; Biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, trích mẫu tái niêm phong và giao nhận đối tượng giám định; Biên bản xác minh qua điện thoại; Biên bản kiểm tra điện thoại của T và K. Bản kết luận giám định số 109/GĐMT ngày 29/4/2022 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L; Các biên bản xác minh; Biên bản xét nghiệm chất ma túy; Bản tự khai, biên bản ghi lời khai của các bị cáo; Người làm chứng, người chứng kiến; Bản kết luận điều tra số 35 ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Cơ quan CSĐT Công an thị xã S. Bản cáo trạng số 25/CT-VKSSP ngày 10/8/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã S, tỉnh L, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Ngày 27/4/2022 tại phòng số 02, khách sạn JNK, thuộc Tổ 4, phường H, thị xã S, tỉnh L bị cáo T đã tàng trữ trái phép 1,18 gam ma túy MDMA và 0,8 gam ma túy Kemamine để sử dụng cho bản thân. Bị cáo Thùng Trung K có hành vi mua bán trái phép 0,8 gam ma túy Ketamine. Theo quy định tại Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số Điều của Bộ luật hình sự 2015. Thì tổng khối lượng các chất ma túy thu giữ của bị cáo Vũ N T được tính như sau: Đối với 1,18 gam MDMA, tỷ lệ so với mức tối thiểu MDMA quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự (1,18 gam so với 5 gam) là 23,6%; Đối với 2,77 gam Ketamine, tỷ lệ so với mức tối thiểu Ketamine quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự (0,8 gam so với 20 gam) là 4%; Tổng tỷ lệ là 27,6%, nhỏ hơn 100%. Vậy, Tổng khối lượng các chất ma túy do Vũ N T tàng trữ để sử dụng trái phép thuộc T hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Số lượng ma túy Thùng Trung K mua bán trái phép 0,8 gam Ketamine, thuộc T hợp quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo Vũ N T đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Thùng Trung K đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã S truy tố bị cáo Vũ N T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Bị cáo Thùng Trung K về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Các bị cáo là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sự hiểu biết về xã hội cũng như pháp luật của nhà nước. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi “*Mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy*” là vi phạm pháp luật, nhưng do thiếu ý thức chấp hành pháp luật và muốn kiếm lời bất chính nên các bị cáo

đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy nên cần phải xử lý bị cáo nghiêm khắc trước pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng và đều có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T có ông nội là Vũ Hồng Thu được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì. Bị cáo Thùng Trung K có ông ngoại là Bùi X Khánh được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng 3, nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy đối với các bị cáo Vũ N T và Thùng Trung K cần có một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo đã thực hiện. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn để trừng trị, đồng thời tạo điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người công dân lương thiện, có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng*". Song xét thấy điều kiện kinh tế của các bị cáo khó khăn, các bị cáo không có tài sản riêng gì, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, tỉnh L về hình phạt, mức án đối với Thùng Trung K là phù hợp với tính chất mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần chấp nhận. Tuy nhiên đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã S về mức hình phạt đối với Vũ N T là nặng. Nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về vật chứng:

Đối với 0,98 gam ma túy MDMA và 0,64 gam ma túy Ketamine còn lại sau trích mẫu giám định được tái niêm phong hoàn trả cơ quan trung cầu; 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ Card màu trắng; 01 bật lửa màu đỏ; 01 Ví da màu nâu, loại ví nam. Đây là vật chứng vật chứng nhà nước cấm lưu hành và vật chứng không có giá trị sử dụng và nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại hiệu Iphone 12 Pro màu xám, bên trong kẹp sim số 039.487.6888 máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của Vũ N T; 01 điện thoại hiệu Iphone 11 Pro màu vàng bên trong kẹp sim số 081.938.9983 máy cũ đã qua sử dụng thu giữ của Thùng Trung K; 100.000 đồng từ tài khoản số 081.911.2003 ngân hàng MB, chủ tài khoản là Thùng Trung K chuyển sang tài khoản số 39490105751 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã S mở tại Kho bạc Nhà nước

thị xã S. Các bị cáo sử dụng điện thoại vào việc phạm tội và số tiền 100.000 đồng bị cáo Thùng Trung K do phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo Vũ N T và phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ N T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo Thùng Trung K phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

[2] Về hình phạt:

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ N T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Khấu trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ từ ngày 27/4/2022 đến ngày 06/5/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Thùng Trung K 02 (Hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo 27/4/2022.

[3] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

* Tịch thu tiêu hủy:

- 0,98 gam ma túy MDMA và 0,64 gam ma túy Ketamine còn lại sau trích mẫu giám định được niêm phong trong một bì thư in sẵn của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L, trên mặt bì thư có ghi: "Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu giữ trong quá trình bắt quả tang Vũ N T ngày 27/4/2022 tại tổ 4, phường H, thị xã S, tỉnh L";

- 01 đĩa sứ hình tròn, màu trắng;

- 01 thẻ Card màu trắng;

- 01 bật lửa màu đỏ;

- 01 ví da màu nâu, loại ví nam.

* Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

- 01 (một) điện thoại hiệu Iphone 12 Pro màu xám, lắp sim số 0394.876.888 đã qua sử dụng thu giữ của Vũ N T;

- 01 (một) điện thoại Iphone 11 Pro màu vàng, lắp sim số 0819.112.003 đã qua sử dụng thu giữ của Thùng Trung K;

- Số tiền 100.000 đồng thu giữ của Thùng Trung K trong tài khoản số 394901052751 của Chi cục thi hành án dân sự mở tại Kho bạc Nhà nước thị xã S.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thị xã S với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S ngày 26/8/2022.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 nghị quyết 326/2016-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí

Tòa án: Buộc bị cáo Vũ N T và Thùng Trung K mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Tạm giam bị cáo Thùng Trung K trong thời hạn 45 ngày để đảm bảo cho việc thi hành án.

T hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND thị xã SP 2;
- Công an thị xã S;
- PV 06 Công an tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Bị cáo 2;
- THADS thị xã S;
- Lưu Hồ sơ HS, HSTHA, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Thắng